

**Tác dụng :** Chất xơ và polysaccarid ở vỏ hạt trên rất ưa nước khi vào ruột, trương nở ra, làm mềm và tăng thể tích phân. Kích thích nhu động ruột mà không gây đau bụng. Ngoài ra còn gián tiếp gây hạ cholesterol máu (do cản trở sự tái hấp thu các acid mêt).

**Chỉ định :** Táo bón, nhất là táo bón mạn ở người già, phụ nữ có thai, mắc bệnh tim mạch. Phòng táo bón ở người bị trĩ.

**Liều dùng :** Người lớn : ngày 1-2 gói (hòa vào 1 cốc nước chín).

**Chống chỉ định :** Nguy cơ tắc ruột, mẫn cảm với Psyllium.

### Imocur enfant (Fournier -Pháp)

**Dạng thuốc :** Viên nang chứa bột đông khô 20mg tương ứng với 3,5mg các mành vi khuẩn từ các chủng : H. influenzae, D.pneumoniae, Klebsiella pneumoniae và pneumoniae, S. aureus, Strep. viridans và pyogenes, Neisseria catarrhalis.

**Tác dụng :** Kích thích miễn dịch.

**Chỉ định :** Phòng các nhiễm khuẩn dễ tái phát ở đường hô hấp cho trẻ em từ 13 tháng trở lên.

**Liều dùng :** Phác đồ thường dùng ngày 1 viên uống 10ngày/tháng - đợt 3 tháng liên.

**Chống chỉ định :** Bệnh tự miễn dịch, sơ sinh dưới 13 tháng.

**Lưu ý :** Các biểu hiện dị ứng như hen hoặc không vẫn có thể dùng thuốc này.

### Imudon (Pháp)

**Dạng thuốc :** Viên nén dễ ngâm, chứa các dịch phân hủy đông khô các vi khuẩn như Lactobacillus acidophilus, L. lactis.... Streptococcus, Staphylococcus aureus, Klebsiella pneumoniae, Corynebacterium, Pseudomonas aeruginosa, Fusiformis fusiformis, Candida albicans.

**Chỉ định :** Các tình trạng đau, mưng mủ, chảy máu lợi răng trong viêm lợi, viêm quanh răng, viêm ở răng mưng mủ, viêm quanh chân răng, apxe quanh răng. Phòng và trị nhiễm khuẩn sau nhổ răng, viêm lưỡi, viêm miệng....

**Liều dùng :** Ngày ngâm từ 4-8 viên. Đợt 6-20 ngày.

### Inolaxin (Pháp)

**Dạng thuốc :** Hộp 400mg thuốc cốt chứa: Gôm Sterculia 320g

**Tác dụng :** Nhuận tràng cơ học.

**Chỉ định :** Uống 1-2 thia cà phê thuốc cốt vào cuối bữa ăn chính. Nuốt thuốc cốt, không nhai, với 1 cốc nước.

**Lưu ý :** Trường hợp bệnh ruột to (megacolon) nên thận trọng vì làm biến đổi nhu động ruột.

### Insadol (Pháp)

**Dạng thuốc :** Cao dã chuẩn độ phần không xà phòng hóa được ở Zea Mays L dưới dạng: Viên bọc đường 35mg (Hộp 20 và 40 viên)

Dung dịch uống 2,5g/100ml (lọ 30ml)

**Chỉ định :** Các bệnh hư quanh răng, có kèm viêm hoặc không, các chứng viêm lợi, bệnh nha chu viêm.

**Liều dùng :** Viêm lợi : ngày 2 lần x 3 viên hoặc ngày 1 thia cà phê đỗ uống- đợt dùng 3 tuần.

Các bệnh hư quanh răng : - Điều trị tấn công : dùng như trên.

**Điều trị duy trì :** dùng liều trên trong thời gian dài.

**Lưu ý :** Thuốc thường dung nạp tốt và chưa thấy có chống chỉ định.

**Biệt dược tương tự :** Thymadol (Hàn Quốc)

### Intralipid (Pháp)

**Dạng thuốc :** Lọ tiêm truyền 100 và 500ml nhũ dịch dầu đậu tương 10-20% trong nước (ngoài ra còn chứa 1,2% lecithin ở trứng và 2,25% glycerol) với pH=7

**Tác dụng :** Cung cấp năng lượng cho cơ thể : 1 lít loại 20% cung cấp 2000Kcal và 1 lít loại 10% : 1100 Kcal.

**Chỉ định :** Nuôi dưỡng qua tiêm truyền tĩnh mạch ở bệnh nhân không ăn được (do chấn thương nghiêm trọng, bong nặng, sau khi mổ, ở người bị rối loạn dinh dưỡng).

**Liều dùng :** Người lớn : loại 20% ngày tiêm từ 0,5-1,5 lít, phối hợp với tiêm truyền acid amin và glucose. Với loại 10% cũng dùng liều trên. Tốc độ tiêm 20 giọt/phút sau tăng dần đến 25-40 giọt/phút cho loại 20% và 40-60 giọt/phút cho loại 10%. Trẻ em : Liều 3-4g/lipid/kg/24 giờ.

**Chống chỉ định :** Trộn lẫn với các dd tiêm truyền khác tương tự.

### Ionimag (Pháp)

**Dạng thuốc :** Viên nén sủi bột 1g Mg lactat.

**Chỉ định :** Thiếu hụt ion Mg<sup>2+</sup>